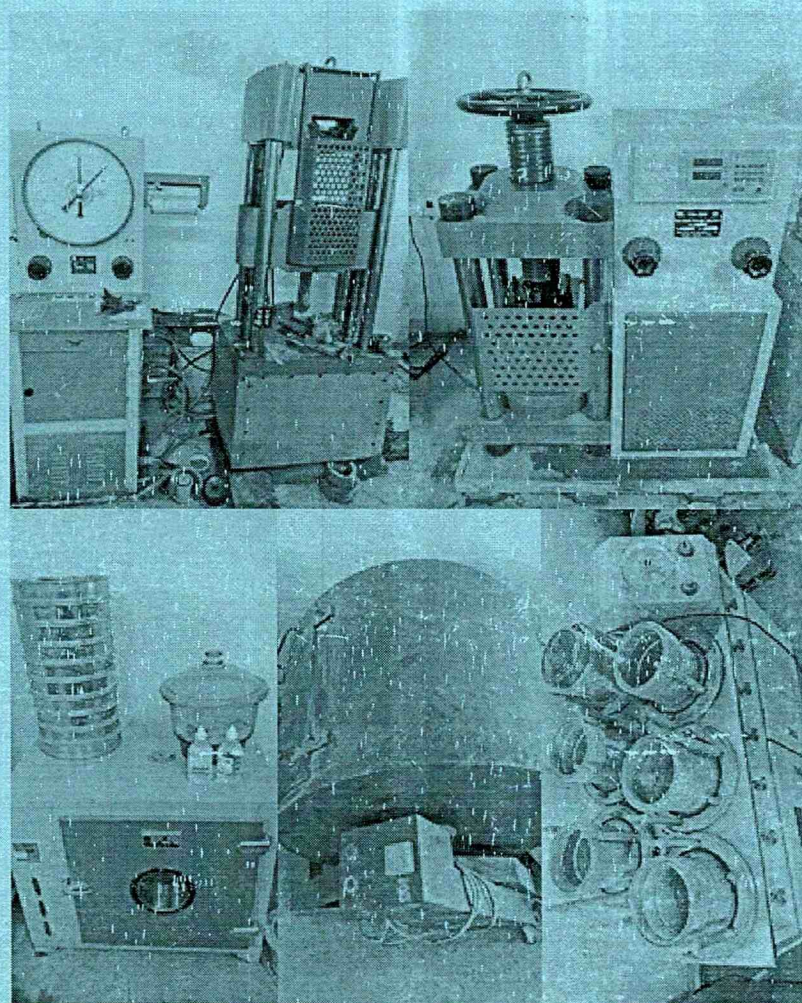


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do - hạnh phúc
=====☸=====

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH MTV THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH KTM



- Địa chỉ trụ sở : Ô số 3, lô B13 khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A
Phường Cao Xanh , TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0982058698

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 5702109991

Đăng ký lần đầu: ngày 24 tháng 02 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH KTM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ô số 3, lô B13, khu đô thị Cao Xanh Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0982058698

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

1.800.000.000 đồng

Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH LUÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/11/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034097011816

Ngày cấp: 16/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Minh, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ô số 3, Lô B13, khu đô thị Cao Xanh, Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/11/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034097011816

Ngày cấp: 16/09/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Thôn Bình Minh, Xã Bách Thuận, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

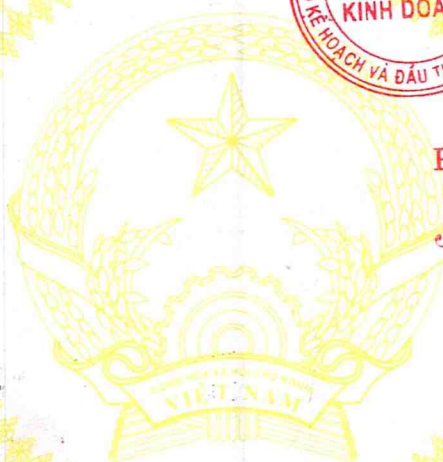
Địa chỉ liên lạc: Ô số 3, Lô B13, khu đô thị Cao Xanh, Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Đức Hùng



Số: **54** /GCN-BXDHà Nội, ngày **15** tháng **3** năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 04/3/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM,
Mã số thuế: 5702109991

Địa chỉ: Ô số 3, Lô B13 khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Thí nghiệm và kiểm định công trình

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Ô số 3, Lô B13 khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 914**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

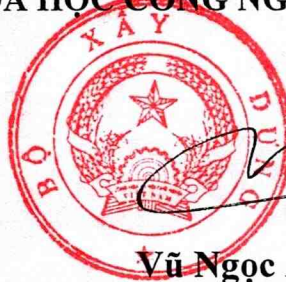
Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM;
- Sở XD Quảng Ninh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 914

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 54 /GCN-BXD, ngày 15 tháng 3 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:85, ASTM C 184, 188, AASHTO T128
	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; ASTM C 109, C348; AASHTO T106
	Độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017: 95, ASTM C 191 AASHTO T129, 131
	Xác định giới hạn bền theo PP nhanh	TCVN 3736 :1987
2	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-02:06, ASTM C136; AASHTO T27
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-04:06; ASTM C128
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-05:06; ASTM C127
	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hong	TCVN 7572-06:06, ASTM C29, AASHTO T19
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-07:06, ASTM C70
	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-08:06 ; ASTM C142, AASHTO T112
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-09:06, ASTM C40 ; AASHTO T21
	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06, ASTM D2938
	Xác định độ nén đập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
	Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles)	TCVN 7572-12:06; ASTM C131
	Xác định hàm lượng hạt thoai, dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06
	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
	Xác định hệ số (ES)	ASTM D2419-91
3	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93; ASTM C143-90A; AASHTO T119
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93; ASTM C138
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93, ASTM C 232
	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
	Xác định hàm lượng bọt khí trong bê tông	TCVN 3111:93; ASTM C231
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 93; ASTM C127, C128
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 93
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115: 93
	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116: 93
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118: 93; ASTM C39; AASHTO T22

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119: 93; ASTM C78, C293; AASHTO T97
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120: 93
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:12, ASTM C403 – 99
4	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; Xác định độ lưu động của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi; Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn; Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn; Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121:2003
5	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG	
	Thử kéo	TCVN 197-2014; ISO 15630-1; A370; JIS Z2241, Z2201
	Thử uốn	TCVN 198:2008; ISO 15630-1; JIS Z2248
	Thử phá hủy mối hàn kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:10
	Kiểm tra chất lượng hàn ống - thử nén dẹt	TCVN 5402:10
	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:95
	Nhôm hợp kim định hình dùng trong xây dựng	TCXDVN 330:2004
6	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12; ASTM D854 ; AASHTO T100; BS 1377
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12, ASTM D2216, AASHTO T265; BS 1377
	Xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	TCVN 4197:12; ASTM D4318, AASHTO T89, T90; BS 1377
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; ASTM D422, AASHTO T88; BS 1377
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95; ASTM D3080; GOST 12248-96; BS 1377
	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm (Nén không nở hông)	TCVN 4200:12, ASTM D2435, GOST 12248-96
	Xác định đầm chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; ASTM D1557, D698, D558, AASHTO T99, T180; GOST 22733
	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12 ASTM D4914:14
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) – Trong phòng thí nghiệm	TCVN 332-06; ASTM D1883; AASHTO T193
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12, ASTM D4829; ASTM D4546
	Xác định đặc trưng co ngót của đất trong phòng TN	TCVN 8720:12 ; AASHTO T92
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:12
	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12
	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:12
	Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan trong đất	TCVN 8727:12
7	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan, cường độ bền nén; Xác định cường độ bền uốn; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng riêng; Xác định khối lượng thể tích; Xác định độ rỗng, xác định vết tróc do vôi, xác định sự thoát muối.	TCVN 6355:08
8	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
	Xác định cường độ bền nén; Xác định độ hút nước, xác định độ chịu mài mòn, Kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:99
9	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định độ hút nước; Xác định độ rỗng	TCVN 6477:16
10	PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG	
	Xác định hàm lượng cặn không hòa tan	TCVN 4560:88
	Xác định hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:88
	Xác định độ PH	TCVN 6492:99
	Xác định hàm lượng ion clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
	Xác định hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96
11	BÊ TÔNG NHỰA	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall; Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm; Xác định thành phần hạt; Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời; Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén; Xác định độ chảy nhựa; Xác định độ góc cạnh của cát; Xác định độ rỗng dư; Xác định độ rỗng cốt liệu; Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa; Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa; Xác định hệ số độ chặt lu lèn.	TCVN 8860:2011 ; AASHTO T230; AASHTO T209-90
	Hàm lượng bitum trong bê tông nhựa bằng PP chiết; Xác định KLTT và KLR của các phối liệu trong hỗn hợp BTN	22TCN 62:84
12	NHỰA BITUM	
	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:05; ASTM D5 - 97
	Phương pháp xác định độ dẫn dài	TCVN 7496:05;ASTM D113 - 99
	Phương pháp xác định điểm hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05;ASTM D36 - 00
	Xác định nhiệt độ bắt lửa Bitum- Phương pháp xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:05;ASTM D92 – 02b
	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:05; ASTM D6 - 00
	Xác định tỷ lệ độ kim lún sau khi nung ở 163°C trong 5h so với độ kim lún ở 25°C	22TCN 279:2001
	Xác định độ hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05; ASTM D2042 - 01
	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05;ASTM D70 - 03
	Phương pháp xác định độ nhớt động học	TCVN 7502:05;ASTM D2170 – 01a
	Xác định hàm lượng paraffin bằng PP chưng cất	TCVN 7503:05
	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
13	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	
	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường; KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng; Hệ số hao nước; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22 TCN 58:84
14	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
	XĐ dung trọng, độ ẩm của đất bằng PP dao đai	22TCN 02:71; ASTM D2937

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	XĐ độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP phễu rót cát	22TCN 346:06, ASTM D1556, AASHTO T 191
	Đo độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:11
	Xác định mô đun đàn hồi (E) của nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
	Xác định mô đun đàn hồi (E) của nền đường bằng Cần đo vòng	
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát	TCVN 8866:11
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn	TCVN 9351:12
	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D6951-03
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9357:12
	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12
	Chống sét cho công trình xây dựng - Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
	Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9398:12
	Mô đun biến dạng tại hiện trường qua tấm nén phẳng	TCVN 9354:12
	Nhà và công trình xây dựng – Xác định chuyển dịch ngang bằng PP trắc địa	TCVN 9399:12
	Quy trình quan trắc độ nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:12
	Đo lún công trình	TCVN 9360:12
	Phương pháp thí nghiệm gia tải đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt của cấu kiện bê tông.	TCVN 9347:12
	Cọc – PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:12
	Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12
	Xác định độ thấm nước của đất bằng đồ nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:12
	Xác định độ thấm nước của đá bằng PP ép nước vào hồ khoan	14 TCN 83:91

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



**CÔNG TY TNHH MTV
THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM
ĐỊNH KTM**
Điện thoại: 0982058698

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----♦♦♦♦-----

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH MTV THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH KTM

Công ty TNHH MTV thí nghiệm và kiểm định KTM là Công ty chủ lực về Tư vấn kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm chuyên ngành. Hiện nay công ty chúng tôi có đội ngũ CBCNV có đủ năng lực đảm bảo các yêu cầu công việc và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư đề ra.

I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP

1. Chủ thể đăng ký: Công ty TNHH MTV thí nghiệm và kiểm định KTM
2. Địa chỉ trụ sở chính: Ô số 3, lô B13 khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A Phường Cao Xanh , TP Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0982058698

3. Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đình Luân

Chức danh: Giám đốc Công ty.

Mobile: 0982058698

4. Giấy đăng ký kinh doanh số: 570.210.9991

Cấp tại: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

5. Tài khoản số: 599.933.696.666

Mở tại : Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội

6. Mã số thuế: 570.210.9991

7. Lĩnh vực chuyên ngành:

- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; Kiểm định chất lượng công trình, kiểm tra chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng.....

8. Thiết bị thí nghiệm tại phòng thí nghiệm:

TT	Loại thiết bị	Nhãn hiệu / công suất	Số lượng TB theo thực tế	Có (X)	Không có (0)
1	2	3	4	5	
I	Thí nghiệm kim loại và mối hàn				
1	Máy thử độ bền kéo, nén, uốn Model WE-1000B; - Khả năng tải lớn nhất: 1000kN - Ba thang đo 0-200; 0-500; 0-1000kN - Chỉ thị đồng hồ kim - Đóng mở má kẹp bằng thuỷ lực - Cấp chính xác: cấp 1 - Mẫu thí nghiệm: mẫu dẹt 0-40mm - Mẫu thí nghiệm mẫu tròn: đến D45mm Cung cấp bao gồm: - Máy chính - Bộ điều khiển - Thùng dụng cụ bao gồm: ống dầu thuỷ lực, quả đối trọng, gối uốn , 02 thanh giữ gối uốn, chày uốn D50mm, bộ thốt nén, má kẹp mẫu dẹt (bộ 4 cái), má kẹp thép tròn 13-32 (bộ 4 cái), má kẹp thép tròn 32-45 (bộ 4 cái) Thiết bị đồng bộ theo catalogue của hãng sản xuất	TQ	1	X	
2	Bộ gối uốn thép theo tiêu chuẩn Việt Nam bao gồm các cỡ đường kính nh sau: 24; 30; 36; 40; 50; 56; 64; 72; 80; 90; 100; 110; 125; 140; 150; 160; 168; 192; chiều rộng gối 80mm (theo TCVN 1651: 2008)	TQ	1	X	
3	Bộ gá thử kéo bu lông dùng để thử kéo các cỡ bu lông M10; M12; M14; M16; M18; M20; M22; M24; M27; M32	TQ	1	X	
4	Máy cắt sắt	VN	2	X	
5	Máy mài cầm tay	VN	2		
II	Thiết bị dùng cho thí nghiệm cát, đá dăm, sỏi				
6	Máy mài mòn Los Angeles, hiển thị số Tốc độ: 30-33v/phút Kích thước thùng quay: D710L508mm	TQ	1	X	

	Điện áp 220V, 50 HZ; Cung cấp bao gồm: máy chính, 12 viên bi sắt, khay hứng (phù hợp TCVN 7572: 2006)				
7	Sàng D300, lỗ 1,7	TQ	3	X	
8	Bộ xilanh thử nén đập đá, đồng kính 150 và 75 mm (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	2	X	
9	Bộ thùng thử độ bụi bùn sét của cát, đá (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	3	X	
10	Côn thử độ xốp đá, chứa bao gồm thùng đóng, vật liệu thép (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	3	X	
11	Bộ sàng cát D200mm theo TCVN gồm các cỡ sàng lỗ tròn: 0,14; 0,315; 0,63; 1,25; 2,5; 5; đáy và nắp sàng (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	3 Bộ	X	
12	Bộ sàng đá D300mm bao gồm các cỡ sàng lỗ tròn: 5; 10; 20; 40; 70; 100; đáy và nắp sàng (phù hợp TCVN 7572: 2006)	Bộ	3 Bộ	X	
13	Bảng so mẫu	VN	1 chiếc	X	
14	Côn thử độ xốp cát, cha bao gồm thùng đóng, vật liệu thép (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	2 Bộ	X	
16	Thước đo hạt thoi dẹt 300mm (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	2 chiếc	X	
17	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 10, 20 l; vật liệu inox (phù hợp TCVN 7572: 2006)	VN	1 Bộ	X	
18	Bộ chia mẫu 1/2"	VN	1 chiếc	X	
19	Bộ chia mẫu 1"	VN	1 chiếc	X	
20	Bộ chia mẫu 2"	VN	1 chiếc	X	
III	Thiết bị dùng cho thí nghiệm bê tông và vật liệu xây dựng				
22	Máy thử độ bền nén Model TYA-2000 - Lực nén lớn nhất: 2000kN - Độ chính xác: 1% - Kích thước tấm nén: 220x280mm - Khoảng cách lớn nhất giữa hai tấm nén 330mm - áp lực lớn nhất của bơm: 40MPa - Nguồn điện: 220V, 50 HZ - Trọng lượng máy: khoảng 800kg	TQ	1 chiếc	X	
23	Máy xác định khả năng chống thấm của bê tông. Model HS-4 (HS-40) - áp suất làm việc lớn nhất: 4MPa - Điện áp: 220V, 50 HZ - Thí nghiệm đồng thời 6 viên mẫu	TQ	1 chiếc	X	

	(không bao gồm bộ gá mẫu) (phù hợp TCVN 3116: 1993)				
24	Bộ gá mẫu thí nghiệm thấm bê tông, dùng cho mẫu thí nghiệm D150H150mm; (phù hợp TCVN 3116: 1993)	TQ	1	X	
25	Khuôn đúc mẫu thử thấm bê tông D150H150mm, vật liệu thép (phù hợp TCVN 3116: 1993)	VN	1 chiếc	X	
27	Khuôn đúc mẫu bê tông 150x150x150mm, đúc 1 viên mẫu, vật liệu thép	VN	9 chiếc	X	
28	Khuôn đúc mẫu bê tông D150H300	VN	18 chiếc	X	
29	Bộ côn thử độ sụt bê tông D101,6xD203,2xH303, bao gồm côn, phễu, khay hứng, que chọc D16, muôi xúc mẫu, thước	VN	3	X	
30	Dụng cụ Cappinh	VN	3 chiếc	X	
33	Bộ gá uốn gạch xây	VN	2 Bộ	X	
34	Bộ tẩm nén mẫu gạch bê tông tự chen	VN	2 Bộ	X	
35	Bộ tẩm nén mở rộng cho máy nén TYA-2000, dùng nén mẫu gạch block. Kích thước: 220x400mm	VN	2 Bộ	X	
IV	Thiết bị thử vữa - xi măng				
36	Máy thử độ bền nén Model TYA-300 - Chỉ thị hiện số - Lực nén lớn nhất: 300kN - Độ chính xác: 1% - Nguồn điện: 220V, 50 HZ - Trọng lượng máy: 400kg	TQ	1 Chiếc	X	
37	Máy trộn mẫu vữa, xi măng model JJ-5 - Hai tốc độ trộn - Có chế độ quay hành tinh - Điện áp 220V, 50 Hz - Có hệ thống cung cấp cát - Bao gồm hai chế độ chạy tự động và bằng tay. Cung cấp bao gồm máy chính, cối trộn 5 lít, cánh trộn, cốc rót cát, dụng cụ kiểm tra khe hở (phù hợp tiêu chuẩn 6016: 2011)	TQ	1 Chiếc	X	
39	Vika xi măng		1	X	
40	Bàn dẫn vữa quay tay - Đường kính bàn D300mm - Thay đổi được trọng lượng mặt bàn để phù hợp cho mẫu vữa và xi măng	VN	1 Chiếc	X	
42	Khuôn Le Chatelie	VN	1 Chiếc	X	
43	Khuôn 40x40x160 mm, vật liệu thép	VN	1 Chiếc	X	

44	Bay chảo trộn	VN	1 Chiếc	X	
45	Bình tỷ trọng Le Chatelie 250ml	VN	1 Chiếc	X	
46	Sàng xi măng D200, lỗ sàng 0,09	VN	1 Chiếc	X	
47	Bộ gá uốn, nén mẫu vữa xi măng. Dùng cho mẫu 40x40x160mm.	VN	2	X	
49	Khuôn 70,7x70,7x70,7mm, kép 3	VN	6 Chiếc	X	
50	Khuôn 50,8x50,8x50,8mm, kép 3	VN	6 Chiếc	X	
V	Thí nghiệm đất trong phòng				
51	Máy nén CBR. Model CBR-1 Tốc độ nén 1,27mm/p Cung cấp bao gồm: - Máy chính - Cung lực 50kN - Đầu xuyên D50mm (Phù hợp tiêu chuẩn 22TCN 332- 2006)	TQ	1 Chiếc	X	
52	Khuôn CBR. Bộ bao gồm: Thân khuôn, đế khuôn, cổ khuôn, tấm đo trương nở, quả gia tải tròn, quả gia tải móng ngựa, gá đồng hồ đo trương nở (Phù hợp tiêu chuẩn 22TCN 332-2006)	TQ	1 Bộ	X	
53	Tấm đệm tạo mẫu CBR	VN	1 Chiếc	X	
54	Hộp nhôm lấy mẫu đất D55mm	VN	20 Chiếc	X	
55	Dao cắt, gọt và lấy mẫu đất	VN	3 Chiếc	X	
56	Cối đầm Proctor tiêu chuẩn. Đường kính D101.6mm. Chiều cao 116,4mm. Chiều dài hành trình của chày 300mm. Đường kính chày D50mm. Trọng lượng chày 2,5kg (Phù hợp tiêu chuẩn 22TCN333-2006)	VN	3 Bộ	X	
57	Cối đầm Proctor cải tiến. Đường kính D152.4mm. Chiều cao 116,4mm. Chiều dài hành trình của chày 450mm. Đường kính chày D50mm. Trọng lượng chày 4,5kg (Phù hợp tiêu chuẩn 22TCN333-2006)	VN	3 Bộ	X	
59	Bộ sàng đất tiêu chuẩn D200mm (bao gồm các cỡ 10; 5; 2; 1; 0,5; 0,25; 0,1; khay hứng nắp)	VN	3	X	
60	Tỷ trọng kế loại 151H	VN	3 Chiếc	X	
61	Tỷ trọng kế loại 152H	VN	3 Chiếc	X	
62	Bình tỷ trọng 100 ml	VN	2 Chiếc	X	
63	Dụng cụ Vaxiliep. Model CD-1 Trọng lượng chùy xuyên 76g Góc đỉnh côn 30°	VN	1 Bộ	X	

	Cung cấp bao gồm: chùy xuyên, chân đế, cốc đựng mẫu (phù hợp tiêu chuẩn 4197: 2012)				
64	Thiết bị Casagrande (phù hợp tiêu chuẩn 4197: 2012)	VN	1 Bộ	X	
65	Tấm kính nhám	VN	2 Chiếc	X	
66	Giấy thấm	VN	100 Chiếc	X	
67	Bộ sàng cấp phối đá dăm đồng kính D300mm (bao gồm các cỡ: 50; 37,5; 25; 19; 12,5; 9,5; 4,75; 2,36; 2; 1,18; 0,6; 0,425; 0,3; 0,15; 0,075, đáy, nắp sàng)	TQ	3 Bộ	X	
VI	Thiết bị thí nghiệm bê tông nhựa và nhựa				
68	Máy nén Marshall. Model MS-30. Tốc độ 50,8mm/p Khả năng tải 30kN Cung cấp bao gồm: Gá nén Marshall 2 nửa, cung lực 30kN (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8860-1: 2011)	TQ	1 Chiếc	X	
69	Máy đầm tạo mẫu marshall tự động Model MZ-II Điện áp 220V, 50HZ (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8860-1: 2011)	TQ	1 Chiếc	X	
70	Khuôn tạo mẫu Marshall D101,6H87mm (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8860-1: 2011)	VN	12 Chiếc	X	
71	Bộ thí nghiệm hòa tan nhựa trong tricloethylen (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7500: 2005)	TQ	1 Bộ		
72	Bể ổn nhiệt HHW-2 (DHC-57) Điện áp 220V, 50Hz Điều chỉnh nhiệt độ tự động từ nhiệt độ môi trường đến 99°C (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8860-1: 2011)	TQ	1 Chiếc	X	
73	Nhiệt kế loại 0 - 150 °C	VN	1 Chiếc	X	
74	Nhiệt kế loại 0 - 250 °C	VN	1 Chiếc	X	
75	Máy quay ly tâm, Model: SLF-400. Điện áp 220V, 50Hz (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8860-2: 2011)	TQ	1 Chiếc	X	
76	Giấy lọc ly tâm	VN	1 Tờ	X	
77	Thiết bị thử độ kim lún tự động. Tự động gia nhiệt từ nhiệt độ môi trường đến nhiệt độ thí nghiệm. Tự ghi	TQ	1 Bộ	X	

	nhận kết quả kim lún (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7495: 2005)				
78	Máy thử độ giãn dài nhựa model SY-1.5, hiển thị số. Tốc độ kéo giãn dài 50,8mm/p Hành trình kéo 1,5 m Tự ghi kết quả kéo và tính trung bình cho 3 mẫu Có hệ thống gia nhiệt Cung cấp bao gồm máy chính và 3 khuôn số 8 (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7496: 2005)	TQ	1 Chiếc	X	
79	Dụng cụ xác định độ hoá mềm nhựa tự động. Làm đồng thời 2 mẫu đo. Gia nhiệt và tự động ghi nhận giá trị hóa mềm của mẫu. Điện áp 220V, 50 Hz Cung cấp bao gồm: máy chính, cốc thủy tinh, 02 bộ vòng và bi, dây may so gia nhiệt, (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7497: 2005)	TQ	1 Bộ	X	
80	Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa, model: SYD-3536 Điện áp: 220V, 50Hz Có lò gốm gia nhiệt Cung cấp bao gồm máy chính, cốc mẫu bằng đồng, giá lắp nhiệt kế, nhiệt kế nhúng 1 phần 400°C. Cung cấp cha bao gồm bình ga. (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8818-2: 2011)	TQ	1 Bộ	X	
81	Thiết bị xác định tổn thất khi nung: hệ thống quay, cốc đựng mẫu (không bao gồm tủ sấy) (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 7499: 2005)	TQ	1 Bộ	X	
82	Bộ dụng cụ xác định khối lượng riêng của bê tông nhựa bao gồm: bơm hút chân không, các bình tam giác có vòi hút chân không 1000ml, van khóa, vòi hút chân không, nút cao su, đồng hồ đo áp suất chân không (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 8860-4: 2011)	T.TECH	1 Bộ	X	
VII	Thí nghiệm hiện trường				
83	Búa thử cường độ bê tông C380 (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 9335: 2012)	VN	1 Chiếc	X	

84	Máy siêu âm bê tông C369N (Phù hợp theo tiêu chuẩn TCVN 9335: 2012)	T.TECH	1 Chiếc	X	
85	Thiết bị ép tĩnh nền đường. Cung cấp bao gồm: tấm nén D330mm có cấu tự lựa, kích thủy lực 32 tấn có gắn đồng hồ đo áp suất, con đội, bộ gá đồng hồ đo lún	TQ	1 Bộ	X	
86	Phễu rót cát (Phù hợp theo tiêu chuẩn 22TCN 346: 2006)	VN	5 Bộ	X	
87	Bộ dao đai lấy mẫu hiện trường bao gồm: chày đóng, cần dẫn hướng và 03 dao thể tích >600cm ³ (phù hợp tiêu chuẩn 22TCN 02: 71)	VN	5 Bộ	X	
88	Bộ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát (phù hợp tiêu chuẩn 22TCN 78: 01)	VN	2 Bộ	X	
89	Thước thẳng 3m (phù hợp tiêu chuẩn TCVN 8864: 2011)	VN	2 Bộ	X	
90	Bộ kích thí nghiệm nén tĩnh cọc. Tải trọng thử tối đa: 2000kN. Bao gồm kích 2000kN, bơm tay, ống nối thủy lực, đồng hồ đo áp suất (không bao gồm dầu chất tải, quả tải)	VN	1 Bộ	X	
91	Đồng hồ so 0-50mm; độ chia 0,01mm	VN	1 Chiếc	X	
92	Gá từ	VN	1 Chiếc	X	
94	Thiết bị đo điện trở đất Model 4105A (phù hợp tiêu chuẩn TCXD 46: 07)	T.TECH	1 Bộ	X	
95	Máy khoan lấy mẫu bê tông, bê tông nhựa. Model HZ-15B Động cơ xăng Công suất: 5.5HP Có bánh xe di chuyển	VN	1 Bộ	X	
96	Máy khoan lấy mẫu bê tông. Model Z1Z-CF-205 Động cơ điện Công suất: 2300W	VN	1 Bộ	X	
97	Mũi khoan D100mm	VN	1 Chiếc	X	
98	Mũi khoan D76mm	VN	1 Chiếc	X	
99	Mũi khoan D50mm	VN	1 Chiếc	X	
VIII	Các thiết bị sử dụng chung				
100	Cân điện tử 600.0.01g, model: JY-602	VN	3 Chiếc	X	
101	Cân phân tích Model PA413 Khả năng cân lớn nhất 400g, độ chia 0.001g	VN	1 Chiếc	X	
102	Cân thủy tĩnh 5kg.0,1g, model: JY5001 gồm: bàn cân, rọ cân)	TQ	1 Chiếc	X	

103	Cân điện tử 15kg.0,5g, Model: BWS-15	TQ	1 Chiếc	X	
104	Cân điện tử 30kg., độ chia 1g	TQ	5 Chiếc	X	
105	Bình hút ẩm D300mm	VN	3 Chiếc	X	
106	Tủ sấy nhiệt độ tối đa 300°C, Model: 101-2A(chỉ thị hiện số)	TQ	2 Chiếc	X	
107	Bình hút chân không D240mm	VN	2 Chiếc	X	
108	Đồng hồ so 0-10mm	VN	12 Chiếc	X	
109	Bình tam giác 250ml	VN	5 Chiếc	X	
110	Bình tam giác 500ml	VN	5 Chiếc	X	
111	Bình tam giác 1000ml	VN	5 Chiếc	X	
112	ống đong 1000ml	VN	5 Chiếc	X	
113	ống đong 500ml	VN	5 Chiếc	X	
114	ống đong 250ml	VN	5 Chiếc	X	
115	Pipet 10ml	VN	5 Chiếc	X	
116	Phễu thuỷ tinh D 50	VN	2 Chiếc	X	
117	Phễu thuỷ tinh D 100	VN	1 Chiếc	X	
118	Tấm kính kỹ thuật	VN	30 Chiếc	X	
119	Cối chày sứ D130mm	VN	1 Chiếc	X	
120	Cối chày đồng D100	VN	1 Chiếc	X	
121	Khay inox 30x40cm	VN	5 Chiếc	X	
122	Nhiệt kế thuỷ tinh 0-100°C	VN	3 Chiếc	X	
123	Lò nung 1000°C	VN	1 Chiếc	X	
124	Chén sứ chịu nhiệt 30ml	VN	2 Chiếc	X	
125	Bát sứ chịu nhiệt 250ml	VN	2 Chiếc	X	
126	Thước kẹp 0-300mm	VN	3 Chiếc	X	
127	Thước lá 0-50mm	VN	3 Chiếc	X	
128	Búa sắt	VN	5 Chiếc	X	
129	Búa cao su	VN	5 Chiếc	X	
130	Đục thép	VN	5 Chiếc	X	
131	Muôi xúc mẫu	VN	5 Chiếc	X	
132	Khay tôn 550x550x50mm	VN	5 Chiếc	X	
133	Bếp cách cát	VN	1 Chiếc	X	
134	Đồng hồ bấm giây	VN	3 Chiếc	X	
135	Cát tiêu chuẩn Việt Nam (dùng với phễu rót cát)	VN	5 Bao	X	
136	Bộ kích tháo mẫu Marshall Dùng tháo mẫu trong khuôn Marshall, CBR, Proctor tiêu chuẩn và cải tiến	VN	1 Bộ	X	
137	Bộ đầm nện tiêu chuẩn Procto (cối, chày)	VN	3 Bộ	X	
138	Bộ đầm nện tiêu chuẩn (cối, chày)	VN	3 Bộ	X	
139	Phễu rót cát	VN	5 Bộ	X	

Với kinh nghiệm và năng lực của mình, Công ty TNHH MTV thí nghiệm và kiểm định KTM thực sự mong muốn hợp tác với các khách hàng trong và ngoài nước.....

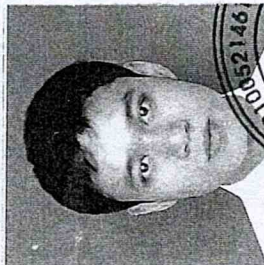
CÔNG TY TNHH MTV THÍ NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH KTM

Giám Đốc



NGUYỄN ĐÌNH LUÂN

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:
Mr/Mrs: PHAM KIM LONG
Has successfully passed Training Course on
Laboratory management
In May 2021

CHỨNG THỰC RÀN SAO ĐĂNG VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
Ngày: 09-11-2023
Số: 05809/UBND-QL

Ref. N°: 0011286-411295B/UBND-QL



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: PHẠM KIM LONG
Ngày sinh: 02 - 01 - 1989
Thường trú: Quảng Ninh

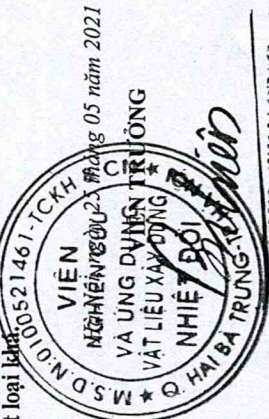
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Quản lý phòng thí nghiệm

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 05 năm 2021

Kết quả học tập: Đạt loại khá



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. Bạch Đình Chiến

Điện Hùng Chưởng

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING
MATERIALS (ITBM)

CHỨNG CHỈ
QUẢN LÝ PHÒNG THÍ NGHIỆM

phòng thí nghiệm

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. PHAM KIM LONG

Has successfully passed the Training Course on

*Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials*

Ref. N°. 14195 /2017/VKH - TNXD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông PHẠM KIM LONG

Ngày sinh: 02/01/1989 - Quê quán: Hà Long

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn & Xây dựng DD-CN

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

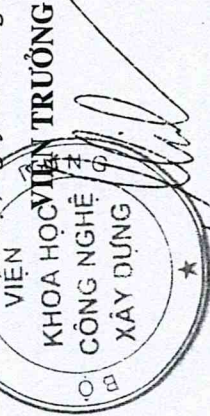
Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý

Bê tông và Vật liệu Xây dựng

Thời gian tổ chức: Từ ngày 08/5/2017 đến ngày 27/5/2017

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2017



T.S. Nguyễn Đại Minh

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 09-11-2023
Quyển Số: 05809201

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



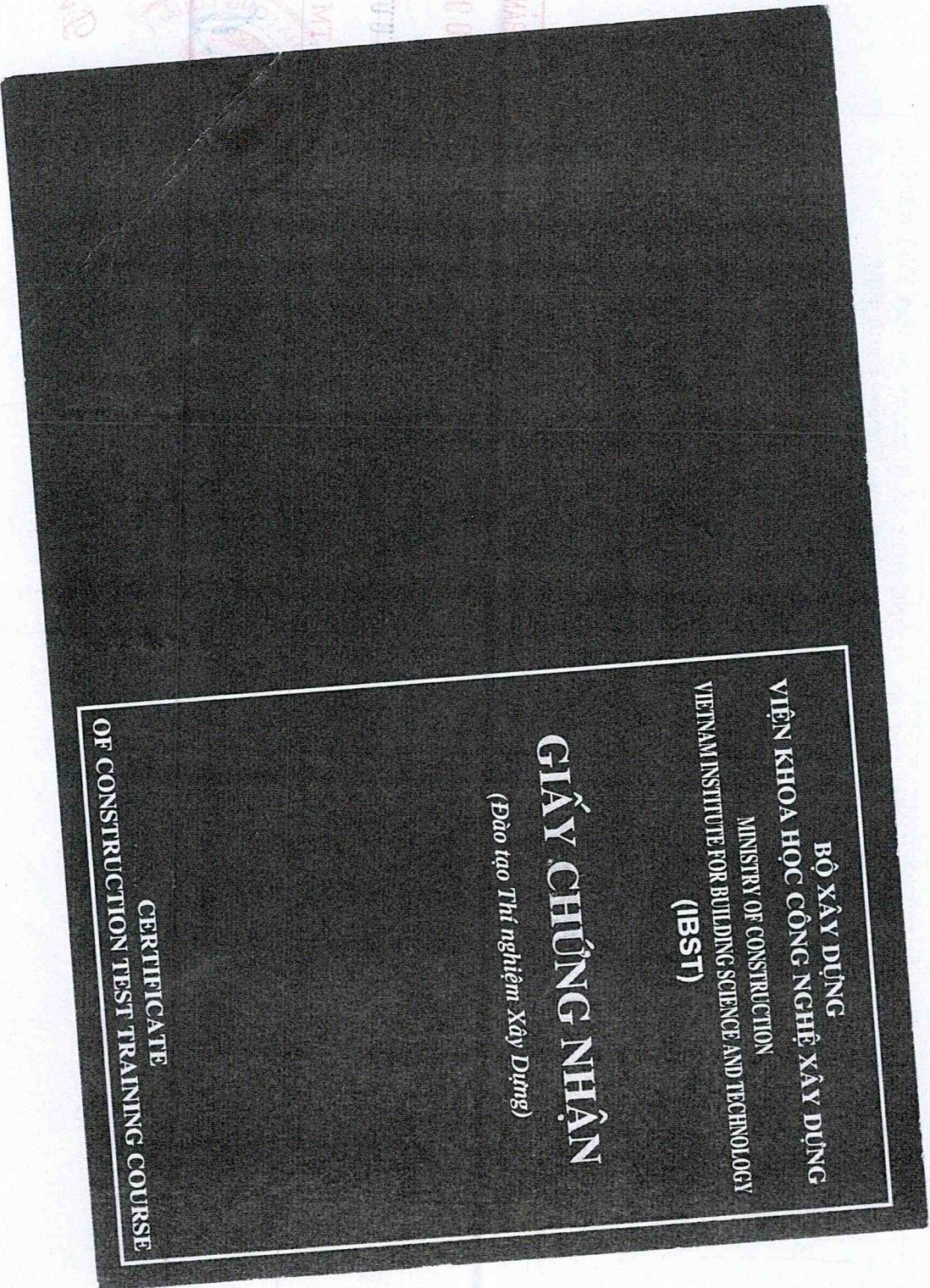
Điện Hùng Chưởng

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo Thi nghiệm Xây Dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE



Đang chờ kiểm tra

CHỨNG NHẬN
HỌC TẬP VÀO VIỆN
ĐANG CHỜ KIỂM TRA
00-11-2023

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RECTOR

HIỆU TRƯỞNG

OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

has conferred

cấp

THE DEGREE OF ENGINEER

BẰNG KỸ SƯ

CIVIL ENGINEERING

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Majoring in Civil and Industrial Engineering

Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp



Upon: Mr NGUYEN VAN TOAN

Ông NGUYỄN VĂN TOÀN

Date of birth: 12 September 1988

Ngày sinh: ngày 12 tháng 09 năm 1988

Year of graduation: 2015

Năm tốt nghiệp: 2015

Degree classification: Ordinary

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Mode of study: Part-time

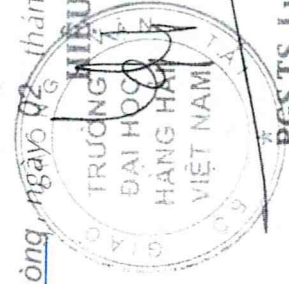
Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học



Hai Phong, 02 February 2015

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Đức
Số hiệu: 323642

PGS.TS. Lương Công Nhơ

Reg. No:

Số vào sổ cấp bằng: 5272

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẢNG NGHỀ

000949126

/LĐTBXH - DN

Số hiệu:



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: 19.779
Ngày 05 tháng 04 năm 2008

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường: Cao đẳng nghề Giao thông
Vận tải Trung ương I

Cấp cho: NGUYỄN VĂN TOÀN
12/09/1988

Sinh ngày: 12/09/1988
Nguyên quán: Ung Hòa - Hòa Tây
Nghề đào tạo: Kỹ nghiệp vật liệu KĐĐB
Từ ngày 1/09/06 đến ngày 03/08

Đạt trình độ thợ bậc: 3/7

Tốt nghiệp hạng: Trung bình khá

Theo quyết định số: 04/ĐT

Ngày 05 tháng 04 năm 2008

Hà Tây ngày 5 tháng 4 năm 2008

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 09-11-2023

Số 01

Hiệu trưởng



Đào Văn Đường

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Điện Hùng Trưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

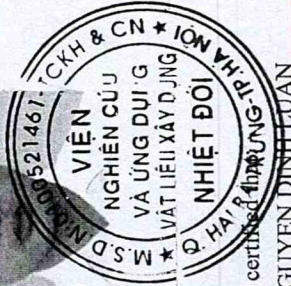
BẢNG NGHỀ

Handwritten text in red ink, possibly a signature or date.

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀO

1.000
1.000
1.000

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: NGUYEN DINH LUAN
Has successfully passed Training Course
Experts specialized in transport
In April 2021

CHỦ TỊCH ỦY BAN SAO ĐÚNG VỚI BÀI CÌNH

Ngày: 20-04-2023

Số: 01815 Quyển 5

Ref. N°: 009533-496518/TND-TN/

ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Điện Hùng Thẳng

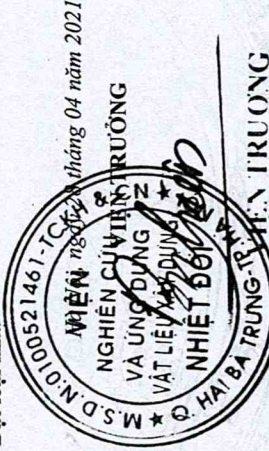
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: NGUYỄN ĐÌNH LUÂN
Ngày sinh: 29 - 11 - 1997
Thường trú: Thái Bình

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm viên chuyên ngành giao thông
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 04 năm 2021
Kết quả học tập: Đạt loại khá.



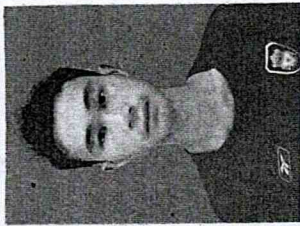
PGS.TSKII. Bạch Đình Chiến

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR TROPICAL BUILDING
MATERIALS (ITBM)

CHỨNG CHỈ
THÍ NGHIỆM VIÊN

phải phải phải

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Pham Tuan Anh

Has successfully passed the Training Course on

***Determining the Quality of Concrete by
Non-Destructive Method***

In June 2009

Ref. N^o: 5342/2009/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Phạm Tuấn Anh**

Ngày sinh: **23/12/1986** - *Quê quán: Hải Phòng*

Cơ quan: Công ty CP TV&XD dân dụng - công nghiệp
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

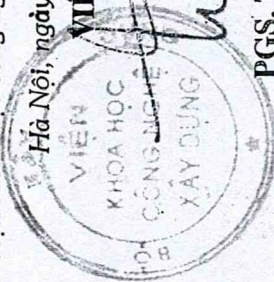
**Kiểm tra chất lượng Bê tông bằng
phương pháp không phá hủy**

Thời gian: Từ ngày 10/6/2009 đến ngày 17/6/2009.

Tại: Viện Khoa học công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 22 tháng 6 năm 2009

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **09-11-2023**

05809--01

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Diệp Hùng Cường

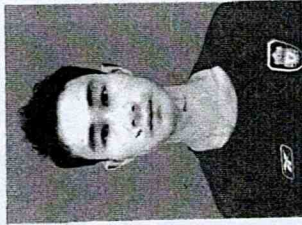
BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo Thi nghiệm Xây Dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Phạm Tuấn Anh

Has successfully passed the Training Course on

***Testing Methods for Determining
the Physico - Mechanical Properties of
Metallic Materials and Welding Joints***

In June 2009

Ref. N^o: 5445/2009/VKH -TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Phạm Tuấn Anh**

Ngày sinh: **23/12/1986** - Quê quán: **Hải Phòng**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn XD DD - CN

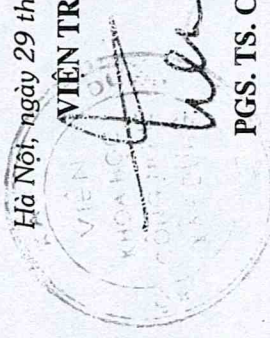
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp thử các tính chất cơ-lý của
vật liệu Kim loại và Liên kết hàn**

Thời gian: Từ ngày 18/6/2009 đến 26/6/2009

Tại: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2009



VIỆN TRƯỞNG
CHUNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: **20-04-2023**

Số: **01815** - Quyển Số:

PGS. TS. Cao Duy Tiến
IM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Diệp Hùng Thắng

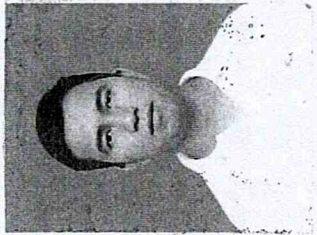
BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN

(Đào tạo Thí nghiệm Xây Dựng)

CERTIFICATE
OF CONSTRUCTION TEST TRAINING COURSE

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Vu Van Phap

Has successfully passed the Training Course on

Advanced concrete Technology

Ref. N°: 8387/2011/VKH -THXD

CỘNG-HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Vũ Văn Pháp**

Ngày sinh: 23/9/1982 - Quê quán: Quảng Ninh

Cơ quan: Công ty CP TV & XD DD-CN Quảng Ninh

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

Công nghệ Bê tông tiên tiến

Thời gian tổ chức: Từ ngày 10/3 đến ngày 12/3/2011

Tại: Viện Khoa học công nghệ xây dựng

Ngày

09-11-2023

Số:

05809/2023

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Diệp Hùng Cường

BỘ XÂY DỰNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
MINISTRY OF CONSTRUCTION
VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING SCIENCE AND TECHNOLOGY
(IBST)

GIẤY CHỨNG NHẬN
TẬP HUẤN KHCN SAU ĐẠI HỌC

CERTIFICATE
OF THE POST GRADUATE TRAINING COURSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 02 năm 2022. Tại trụ sở: Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.

1. Người sử dụng lao động:

- Ông : **Nguyễn Đình Luân**
- Chức vụ : Giám đốc
- Đại diện cho : **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**
- Địa chỉ : Ô số 3, lô B13, Khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại : 02032222135

2. Người lao động:

- Ông (Bà) : **Phạm Tuấn Anh**
- Quốc tịch : Việt Nam
- Sinh ngày : 23/12/1986
- Quê quán : Tiên Lãng, Hải Phòng
- Nghề nghiệp : Trung cấp xây dựng
- Thường trú tại : Tổ 41 khu 4, Cao Thắng Hạ Long, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- CMND số : 022086005511 do Cục Cảnh Sát cấp 29/4/2021
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 41 khu 4, Cao Thắng Hạ Long, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 0984092841

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

Điều 1. Điều khoản chung

- Chuyên môn đào tạo: Trung cấp xây dựng
- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng không xác định thời hạn.

- Được bố trí làm việc tại: Phòng Thí nghiệm và kiểm định công trình của công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.
- Công việc phải làm: Thực hiện công việc theo sự phân công, bố trí của Phòng Thí nghiệm và Kiểm định công trình; chấp hành sự điều động và điều chuyển khi Lãnh đạo Công ty yêu cầu thực hiện các công việc khác có liên quan.
- Chịu sự quản lý trực tiếp, giám sát và kiểm tra của Trưởng Phòng.

Điều 2. Chế độ làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Thời giờ làm việc: Theo tiến độ thi công công trình được phân công thực hiện.
- Chế độ nghỉ ngơi: Nghỉ hàng tuần, nghỉ phép năm; nghỉ lễ, tết; nghỉ việc riêng theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 3. Nghĩa vụ, quyền hạn và các quyền lợi của Người lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đúng các nghĩa vụ của người lao động được ghi tại hợp đồng lao động và nội quy làm việc của đơn vị, Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc điều lệ, các quy chế, quy định kỷ luật lao động, năng suất lao động, an toàn lao động của đơn vị, Công ty.
- Chấp hành tuyệt đối theo sự phân công, giao việc, điều động của lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị.
- Hoàn thành những công việc được lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị giao.
- Có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc đóng góp, xây dựng đơn vị, Công ty.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người, thiết bị tài sản của đơn vị, Công ty.
- Bồi thường bằng vật chất nếu gây thiệt hại về kinh tế cho đơn vị, Công ty (tương ứng với mức độ thiệt hại).

2. Quyền hạn: Có quyền đề xuất, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành.

3. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo.
- Mức lương chính: 7.500.000 đồng/ tháng.
 - Chế độ nâng lương và khen thưởng theo quy chế trả lương và khen thưởng của Công ty.
- Người lao động tham gia bảo hiểm tại đơn vị khác hoặc địa phương nơi cư trú..
- Các quyền lợi khác:
 - Được hưởng các chế độ khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người sử dụng lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả, bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký.
- Tạo điều kiện để người lao động:
 - + Hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao.
 - + Được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

5. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều động, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
- Áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của luật lao động trong trường hợp sau:
 - + Không chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.
 - + Không chấp hành sự phân công, điều động, điều chuyển, bố trí công tác khác của Công ty.
 - + Tiết lộ bí mật công nghệ và các bí mật khác theo quy định.
 - + Vi phạm các quy định về quản lý, làm việc gây hậu quả xấu đến Công ty (trường hợp nghiêm trọng đề nghị cơ quan pháp luật xử lý).
 - + Các hành vi vi phạm khác theo quy định của Công ty.
- Người vi phạm kỷ luật tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty.
- Các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp:

1. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này hai bên cam kết ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần bình đẳng và hợp tác.
2. Khi hai bên không thương lượng được thì việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải hoặc toà án. Biên bản hoà giải thành hoặc quyết định của toà án về giải quyết tranh chấp có hiệu lực bắt buộc thực hiện với các bên. Các bên có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của Thỏa ước lao động tập thể và các quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

- Hợp đồng này gồm 06 điều được lập thành 02 bản và các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ như sau:

+ 01 bản do Người lao động giữ;

+ 01 bản lưu Hồ sơ;

Khi có vấn đề phát sinh thì hai bên ký các phụ lục hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Phạm Tuấn Anh

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Luân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 02 năm 2022. Tại trụ sở: Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.

1. Người sử dụng lao động:

- Ông : **Nguyễn Đình Luân**
- Chức vụ : Giám đốc
- Đại diện cho : **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**
- Địa chỉ : Ô số 3, lô B13, Khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại : 02032222135

2. Người lao động:

- Ông (Bà) : **Vũ Văn Pháp**
- Quốc tịch : Việt Nam
- Sinh ngày : 23/9/1982
- Quê quán : Hạ Long, Quảng Ninh
- Nghề nghiệp : Trung cấp xây dựng
- Thường trú tại : Tổ 65, khu 7, Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
- CMND số : 030082002526 do Cục Cảnh Sát cấp 28/6/2016
- Địa chỉ liên hệ: Tổ 65, khu 7, Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh
- Điện thoại : 0922348959

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

Điều 1. Điều khoản chung

- Chuyên môn đào tạo: Trung cấp xây dựng
- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng không xác định thời hạn.

- Được bố trí làm việc tại: Phòng Thí nghiệm và kiểm định công trình của công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.
- Công việc phải làm: Thực hiện công việc theo sự phân công, bố trí của Phòng Thí nghiệm và Kiểm định công trình; chấp hành sự điều động và điều chuyển khi Lãnh đạo Công ty yêu cầu thực hiện các công việc khác có liên quan.
- Chịu sự quản lý trực tiếp, giám sát và kiểm tra của Trưởng Phòng.

Điều 2. Chế độ làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Thời giờ làm việc: Theo tiến độ thi công công trình được phân công thực hiện.
- Chế độ nghỉ ngơi: Nghỉ hàng tuần, nghỉ phép năm; nghỉ lễ, tết; nghỉ việc riêng theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 3. Nghĩa vụ, quyền hạn và các quyền lợi của Người lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đúng các nghĩa vụ của người lao động được ghi tại hợp đồng lao động và nội quy làm việc của đơn vị, Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc điều lệ, các quy chế, quy định kỷ luật lao động, năng suất lao động, an toàn lao động của đơn vị, Công ty.
- Chấp hành tuyệt đối theo sự phân công, giao việc, điều động của lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị.
- Hoàn thành những công việc được lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị giao.
- Có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc đóng góp, xây dựng đơn vị, Công ty.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người, thiết bị tài sản của đơn vị, Công ty.
- Bồi thường bằng vật chất nếu gây thiệt hại về kinh tế cho đơn vị, Công ty (tương ứng với mức độ thiệt hại).

2. Quyền hạn: Có quyền đề xuất, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành.

3. Quyền lợi:

a) Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo.

b) Mức lương chính: 7.500.000 đồng/ tháng.

- Chế độ nâng lương và khen thưởng theo quy chế trả lương và khen thưởng của Công ty.

c) Người lao động tham gia bảo hiểm tại đơn vị khác hoặc địa phương nơi cư trú..

d) Các quyền lợi khác:

- Được hưởng các chế độ khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người sử dụng lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả, bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký.
- Tạo điều kiện để người lao động:
 - + Hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao.
 - + Được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

6. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều động, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
- Áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của luật lao động trong trường hợp sau:
 - + Không chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.
 - + Không chấp hành sự phân công, điều động, điều chuyển, bố trí công tác khác của Công ty.
 - + Tiết lộ bí mật công nghệ và các bí mật khác theo quy định.
 - + Vi phạm các quy định về quản lý, làm việc gây hậu quả xấu đến Công ty (trường hợp nghiêm trọng đề nghị cơ quan pháp luật xử lý).
 - + Các hành vi vi phạm khác theo quy định của Công ty.
- Người vi phạm kỷ luật tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty.
- Các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp:

1. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này hai bên cam kết ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần bình đẳng và hợp tác.
2. Khi hai bên không thương lượng được thì việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải hoặc toà án. Biên bản hoà giải thành hoặc quyết định của toà án về giải quyết tranh chấp có hiệu lực bắt buộc thực hiện với các bên. Các bên có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của Thỏa ước lao động tập thể và các quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

- Hợp đồng này gồm 06 điều được lập thành 02 bản và các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ như sau:

+ 01 bản do Người lao động giữ;

+ 01 bản lưu Hồ sơ;

Khi có vấn đề phát sinh thì hai bên ký các phụ lục hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Vũ Văn Pháp

**NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Luân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 2 năm 2022. Tại trụ sở: Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.

1. Người sử dụng lao động:

- Ông : **Nguyễn Đình Luân**
- Chức vụ : Giám đốc
- Đại diện cho : **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**
- Địa chỉ : Ô số 3, lô B13, Khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại : 02032222135

2. Người lao động:

- Ông (Bà) : **Nguyễn Văn Toàn**
- Quốc tịch : Việt Nam
- Sinh ngày : 12/9/1988
- Quê quán : Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội
- Nghề nghiệp : Kỹ sư xây dựng
- Thường trú tại : Thôn Bật Chùa, Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội
- CMND số : 001088010662 do Cục Cảnh Sát cấp 06/04/2016
- Địa chỉ liên hệ: Hoành Bò, Thành Phố Hạ Long
- Điện thoại : 0376301894

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

Điều 1. Điều khoản chung

- Chuyên môn đào tạo: Kỹ sư xây dựng
- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng không xác định thời hạn.
- Được bố trí làm việc tại: Phòng Thí nghiệm và kiểm định công trình của công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.

- Công việc phải làm: Thực hiện công việc theo sự phân công, bố trí của Phòng Thí nghiệm và Kiểm định công trình; chấp hành sự điều động và điều chuyển khi Lãnh đạo Công ty yêu cầu thực hiện các công việc khác có liên quan.
- Chịu sự quản lý trực tiếp, giám sát và kiểm tra của Trưởng Phòng.

Điều 2. Chế độ làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Thời giờ làm việc: Theo tiến độ thi công công trình được phân công thực hiện.
- Chế độ nghỉ ngơi: Nghỉ hàng tuần, nghỉ phép năm; nghỉ lễ, tết; nghỉ việc riêng theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 3. Nghĩa vụ, quyền hạn và các quyền lợi của Người lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đúng các nghĩa vụ của người lao động được ghi tại hợp đồng lao động và nội quy làm việc của đơn vị, Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc điều lệ, các quy chế, quy định kỷ luật lao động, năng suất lao động, an toàn lao động của đơn vị, Công ty.
- Chấp hành tuyệt đối theo sự phân công, giao việc, điều động của lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị.
- Hoàn thành những công việc được lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị giao.
- Có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc đóng góp, xây dựng đơn vị, Công ty.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người, thiết bị tài sản của đơn vị, Công ty.
- Bồi thường bằng vật chất nếu gây thiệt hại về kinh tế cho đơn vị, Công ty (tương ứng với mức độ thiệt hại).

2. Quyền hạn: Có quyền đề xuất, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành.

3. Quyền lợi:

- a) Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo.
- b) Mức lương chính: 7.500.000 đồng/ tháng.
 - Chế độ nâng lương và khen thưởng theo quy chế trả lương và khen thưởng của Công ty.
- c) Người lao động tham gia bảo hiểm tại đơn vị khác hoặc địa phương nơi cư trú..
- d) Các quyền lợi khác:
 - Được hưởng các chế độ khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người sử dụng lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả, bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký.
- Tạo điều kiện để người lao động:
 - + Hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao.
 - + Được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều động, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
- Áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của luật lao động trong trường hợp sau:
 - + Không chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.
 - + Không chấp hành sự phân công, điều động, điều chuyển, bổ trí công tác khác của Công ty.
 - + Tiết lộ bí mật công nghệ và các bí mật khác theo quy định.
 - + Vi phạm các quy định về quản lý, làm việc gây hậu quả xấu đến Công ty (trường hợp nghiêm trọng đề nghị cơ quan pháp luật xử lý).
 - + Các hành vi vi phạm khác theo quy định của Công ty.
- Người vi phạm kỷ luật tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty.
- Các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp:

1. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này hai bên cam kết ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần bình đẳng và hợp tác.
2. Khi hai bên không thương lượng được thì việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải hoặc toà án. Biên bản hoà giải thành hoặc quyết định của toà án về giải quyết tranh chấp có hiệu lực bắt buộc thực hiện với các bên. Các bên có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của Thỏa ước lao động tập thể và các quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

- Hợp đồng này gồm 06 điều được lập thành 02 bản và các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ như sau:

+ 01 bản do Người lao động giữ;

+ 01 bản lưu Hồ sơ;

Khi có vấn đề phát sinh thì hai bên ký các phụ lục hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Nguyễn Văn Toàn

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Nguyễn Đình Luân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 02 năm 2022. Tại trụ sở: Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.

1. Người sử dụng lao động:

- Ông : **Nguyễn Đình Luân**
- Chức vụ : Giám đốc
- Đại diện cho : **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**
- Địa chỉ : Ô số 3, lô B13, Khu đô thị Cao Xanh – Hà Khánh A, Phường Cao Xanh, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Điện thoại : 02032222135

2. Người lao động:

- Ông (Bà) : **Phạm Kim Long**
- Quốc tịch : Việt Nam
- Sinh ngày : 02/01/1989
- Quê quán : Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình
- Nghề nghiệp : Kỹ sư xây dựng
- Thường trú tại : Hà Phong, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- CMND số : 022089005827 do Cục Cảnh Sát cấp 29/4/2021
- Địa chỉ liên hệ: Hà Phong, Thành Phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại : 0393729713

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết thực hiện đúng các điều khoản sau đây:

Điều 1. Điều khoản chung

- Chuyên môn đào tạo: Kỹ sư xây dựng
- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng không xác định thời hạn.

- Được bố trí làm việc tại: Phòng Thí nghiệm và kiểm định công trình của công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM.
- Công việc phải làm: Thực hiện công việc theo sự phân công, bố trí của Phòng Thí nghiệm và Kiểm định công trình; chấp hành sự điều động và điều chuyển khi Lãnh đạo Công ty yêu cầu thực hiện các công việc khác có liên quan.
- Chịu sự quản lý trực tiếp, giám sát và kiểm tra của Trưởng Phòng.

Điều 2. Chế độ làm việc, thời gian nghỉ ngơi:

- Thời giờ làm việc: Theo tiến độ thi công công trình được phân công thực hiện.
- Chế độ nghỉ ngơi: Nghỉ hàng tuần, nghỉ phép năm; nghỉ lễ, tết; nghỉ việc riêng theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 3. Nghĩa vụ, quyền hạn và các quyền lợi của Người lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đúng các nghĩa vụ của người lao động được ghi tại hợp đồng lao động và nội quy làm việc của đơn vị, Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc điều lệ, các quy chế, quy định kỷ luật lao động, năng suất lao động, an toàn lao động của đơn vị, Công ty.
- Chấp hành tuyệt đối theo sự phân công, giao việc, điều động của lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị.
- Hoàn thành những công việc được lãnh đạo Công ty, lãnh đạo đơn vị giao.
- Có trách nhiệm và nghĩa vụ trong việc đóng góp, xây dựng đơn vị, Công ty.
- Đảm bảo tuyệt đối an toàn cho người, thiết bị tài sản của đơn vị, Công ty.
- Bồi thường bằng vật chất nếu gây thiệt hại về kinh tế cho đơn vị, Công ty (tương ứng với mức độ thiệt hại).

2. Quyền hạn: Có quyền đề xuất, thay đổi, tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Luật lao động hiện hành.

3. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Người lao động tự lo.
- Mức lương chính: 7.500.000 đồng/ tháng.
 - Chế độ nâng lương và khen thưởng theo quy chế trả lương và khen thưởng của Công ty.
- Người lao động tham gia bảo hiểm tại đơn vị khác hoặc địa phương nơi cư trú..
- Các quyền lợi khác:
 - Được hưởng các chế độ khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người sử dụng lao động:

1. Nghĩa vụ:

- Thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động để người lao động làm việc đạt hiệu quả, bảo đảm việc làm cho người lao động theo hợp đồng lao động đã ký.
- Tạo điều kiện để người lao động:
 - + Hoàn thành nhiệm vụ và công việc được giao.
 - + Được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

4. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều động, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật lao động.
- Áp dụng các biện pháp kỷ luật theo quy định của luật lao động trong trường hợp sau:
 - + Không chấp hành nội quy, quy chế của Công ty.
 - + Không chấp hành sự phân công, điều động, điều chuyển, bố trí công tác khác của Công ty.
 - + Tiết lộ bí mật công nghệ và các bí mật khác theo quy định.
 - + Vi phạm các quy định về quản lý, làm việc gây hậu quả xấu đến Công ty (trường hợp nghiêm trọng đề nghị cơ quan pháp luật xử lý).
 - + Các hành vi vi phạm khác theo quy định của Công ty.
- Người vi phạm kỷ luật tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của Luật lao động và nội quy lao động của Công ty.
- Các quyền hạn khác theo quy định của Bộ luật lao động.

Điều 5. Giải quyết tranh chấp:

1. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này hai bên cam kết ưu tiên giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần bình đẳng và hợp tác.
2. Khi hai bên không thương lượng được thì việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải hoặc toà án. Biên bản hoà giải thành hoặc quyết định của toà án về giải quyết tranh chấp có hiệu lực bắt buộc thực hiện với các bên. Các bên có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của Thỏa ước lao động tập thể và các quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết.

- Hợp đồng này gồm 06 điều được lập thành 02 bản và các phụ lục hợp đồng kèm theo (nếu có) có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ như sau:

+ 01 bản do Người lao động giữ;

+ 01 bản lưu Hồ sơ;

Khi có vấn đề phát sinh thì hai bên ký các phụ lục hợp đồng. Nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này./.

NGƯỜI LAO ĐỘNG



Phạm Kim Long

NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG



Nguyễn Đình Luân



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 02.036.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy thử độ bền kéo, nén, uốn**

Kiểu (*Type*): **WA - 1000D**

Số (*Serial N^o*): **1746**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Năm sản xuất: **2017**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*):

Phạm vi đo: $(0 \div 1\,000)$ kN, độ phân giải của bộ hiển thị: 0,01 kN

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 109: 2002**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo $(0 \div 2\,225)$ kN
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)**

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **$U = 0,24\%$**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn



Trang: 1/2
(N^o of pages)

**Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng**
*(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)*

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	150	149,78
3	300	297,52
4	450	446,67
5	600	595,73
6	750	744,81
7	850	843,08

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,72 \%$

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 03.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy cắt đất**

Kiểu (Type): ZJ

Số máy/ số vòng đo lực (Serial N^o): 045/ R 0058

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 1 200) N

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷4 450) N
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,24 \%$

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng*
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị (x 0,01mm)	Lực đo (N)
0	0	0
1	25	142
2	50	280
3	75	419
4	100	556
5	125	694
6	150	832
7	175	972
8	200	1 110

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,09 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = 5,523 \times L + 2,35$

trong đó: F là lực (N) ; L là giá trị chỉ thị trên vòng đo lực (x 0,01mm)

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 06.036.25

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy nén CBR

Kiểu (Type): CBR - 1

Số máy/ vòng đo lực (Serial N^o): 002/ R1071

Nước sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi hoạt động: (0 ÷ 50) kN

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM

Địa điểm thực hiện (The Place): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷111) kN
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): U = 0,24 %

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị (x 0,01mm)	Lực đo (kN)
0	0	0
1	25	5,35
2	50	10,66
3	75	15,95
4	100	21,30
5	125	26,61
6	150	31,83
7	175	37,00
8	200	42,38
9	225	47,66

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,01 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation): $F = 0,212 \times L + 0,06$

trong đó: F là lực (kN); L là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (x0,01 mm).

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 01.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén**

Kiểu (Type): **TYA - 2000**

Số (Serial N^o): **20124**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Năm sản xuất: **2020**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: **(0 ÷ 999) kN**, độ phân giải: **0,01 kN**

Phạm vi đo: **(1 000 ÷ 2 000) kN**, độ phân giải: **0,1 kN**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109: 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0 ÷ 2 225) kN**

(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	300	302,81
3	600	605,23
4	900	906,32
5	1200	1 206,91
6	1 500	1 506,04
7	1 800	1 804,16

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,60 \%$

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 04.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén, uốn**

Kiểu (Type): **MLA - 200**

Số (Serial N^o): **08368**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo (0 ÷ 10) kN, giá trị độ chia 0,1 kN/vạch chia

Phạm vi đo (0 ÷ 100) kN, giá trị độ chia 1 kN /vạch chia

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 109: 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷111) kN, phạm vi đo (0÷22,24) kN, bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215**

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
	Phạm vi đo (0 ÷ 100) kN	
1	0	0
2	15	14,90
3	30	30,14
4	45	45,29
5	60	59,59
6	75	74,41
7	90	89,22

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,68 \%$

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 05.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén tam liên**

Kiểu (Type): **WG**

Số (Serial N^o): 0157

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: (0 ÷ 4 800) N, tỷ lệ cần i = 1:12

Phạm vi đo: (0 ÷ 4 000) N, tỷ lệ cần i = 1:10

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **ĐLVN 108 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo (0÷22,24) kN
(Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215)**

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng*
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Cấp tải (kg)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn (N)		
			Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
		Mẫu thử 30 cm ² , tỷ lệ cần 1:12			
1	0	0	0	0	0
2	0,319	37,5	37,5	37,5	37,4
3	0,638	75	75,2	75,4	75,1
4	1,275	150	150,0	150,3	149,2
5	2,55	300	300,6	299,8	298,9
6	5,1	600	601,6	600,3	598,1
7	7,65	900	902,6	900,9	897,6
8	10,2	1 200	1 204,0	1 201,7	1 195,8
9	20,4	2 400	2 406,5	2 403,5	2 392,0
10	40,8	4 800	4 808,7	4 805,3	4 804,2
		Mẫu thử 50 cm ² , tỷ lệ cần 1:10			
1	0	0	0	0	0
2	0,638	62,5	62,6	62,6	62,5
3	1,275	125	125,6	125,3	125,2
4	2,55	250	251,2	249,9	249,9
5	5,1	500	502,3	499,8	498,8
6	10,2	1 000	1 003,8	1 000,4	996,4
7	15,3	1 500	1 504,3	1 500,2	1 494,2
8	20,4	2 000	2 006,8	2 005,2	1 992,2
9	40,8	4 000	4 009,2	4 006,8	3 991,5

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(22 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,05 \%$

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 08.036.25

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị thử cường độ bê tông

Kiểu (Type): C380

Số (Serial N^o): C380/AH/1388

Nơi sản xuất (Manufacturer): ITALY

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): Phạm vi đo: $(10 \div 70)$ N/mm²

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM

Địa điểm thực hiện (The Place): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): ĐLVN 150 : 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Đo chuẩn CN670 - Anh, 82 ± 2 mm

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn



Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN
(Calibration results)

Đề hiệu chuẩn		Giá trị chỉ thị trên thiết bị						Sai số tuyệt đối (Δ)
Kiểu năng lượng	Giá trị bật nẩy R	R1	R2	R3	R4	R5	R _{tb}	
Va đập	82	78	77	78	78	77	77,6	4,4

*Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Kết luận:

- Độ không đảm bảo đo: $U = 0,5$ (với hệ số phủ $k = 2$, mức độ tin cậy 95%).

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 10.036.25

Tên phương tiện đo (Object): Áp kế máy thử thấm bê tông

Kiểu (Type): N/A

Số (Serial N^o): HY65581527116

Nước sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specifications): Phạm vi đo: $(0 \div 4)$ MPa

Độ chia: 0,5 MPa/vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM

Địa điểm thực hiện (The Place): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (The Method used): ĐLVN 76 : 2001

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Áp kế hiện số, model: DPI 610

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Chu Công Cẩn

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng*
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT	Giá trị áp suất trên đồng hồ (MPa)	Giá trị áp suất đo được trên áp kế chuẩn, DPI 610		Sai số khi áp suất tăng (MPa)	Sai số khi áp suất giảm (MPa)
		Áp suất khi tăng (MPa)	Áp suất khi giảm (MPa)		
1	0,5	0,487	0,466	0,013	0,034
2	1,0	0,975	0,968	0,025	0,032
3	1,5	1,474	1,471	0,026	0,029
4	2,0	1,978	1,969	0,022	0,031
5	2,5	2,476	2,472	0,024	0,028
6	3,0	2,975	2,973	0,025	0,027
7	3,5	3,475	3,474	0,025	0,026

- Phương trình hiệu chuẩn: $y = -0,026 + 1,0x$

Trong đó: y: là giá trị áp suất danh nghĩa (MPa)

x: là giá trị áp suất đo được trên đồng hồ (MPa)

- Độ không đảm bảo đo mở rộng : $U = 0,0448$ (MPa)

- Hệ số phủ : $k = 2,179$

- Mức độ tin cậy: 95 %

- Nhiệt độ hiệu chuẩn: $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO

(Measurement Certificate)

SỐ (N^o): 11.036.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy ly tâm chiết tách nhựa**

Kiểu (*Type*): **DLC - VII**

Số (*Serial N^o*): **L - 230531**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*): **Phạm vi đo: (30 ÷ 2800) vòng/ phút**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Thiết bị đo tốc độ**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả trang sau

(See the measurement results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn


Hoàng Anh Giang

KẾT QUẢ ĐO

(Measurement results)

TT	Giá trị đặt trên máy (Hz)	Giá trị đo được (vòng/phút)
1	0	0
2	5,2	269
3	10,3	569
4	15,7	887
5	20,6	1175
6	30,1	1735
7	39,9	2246
8	45,3	2253
9	48,8	2800

*Nhiệt độ (Temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người thực hiện

(Calibrated by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 14.036.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Máy thử độ bền nén Marshall**

Kiểu (*Type*): **MSY-30**

Số (*Serial N^o*): **KAR02A1707920AA**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): Phạm vi đo: **(0 ÷ 30) kN**

Độ phân giải: **0,01 kN**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*Method of calibration*): **ĐLVN 109 : 2002**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Đầu đo lực kéo nén LGP 380, phạm vi đo: (0 ÷ 44,5) kN**

Bộ hiển thị COOPER, Model: DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận hiệu chuẩn. Không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên máy (kN)	Giá trị lực đo được (kN)
1	0	0
2	3	3,03
3	6	6,05
4	9	9,07
5	12	12,08
6	15	15,10
7	18	18,12
8	21	21,15
9	24	24,21
10	27	27,24
11	30	30,27

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,49 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 12.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Nhiệt kế chỉ thị hiện số của lò nung**

Kiểu (Type): **SX 2 - 4 - 10**

Số (Serial N⁰): **38845**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications)

Phạm vi làm việc: **(10 ÷ 1 000)°C**, độ phân giải của bộ chỉ thị: **1°C**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (The Method used): **ĐLVN 138 : 2004**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S**

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,1 °C**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cảnh



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)*

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
100	104,0	100,6	-3,4
300	305,0	300,7	-4,3
600	606,0	600,9	-5,1

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,5^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 13.036.25

Tên phương tiện đo (Object): Nhiệt kế chỉ thị hiện số của bể ổn nhiệt

Kiểu (Type): HHW-2

Số (Serial N^o): 14063

Nơi sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications):

Phạm vi đo: $(10 \div 100)^{\circ}\text{C}$, độ phân giải của bộ chỉ thị: $0,1^{\circ}\text{C}$

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM

Địa điểm thực hiện (The Place): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (The Method used): ĐLVN 138 : 2004

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 0,1^{\circ}\text{C}$

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

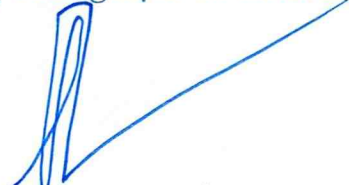
Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn


Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
50	51,3	50,07	-1,23
70	72,0	70,07	-1,93
90	92,3	90,08	-2,22

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,3^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 09.036.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Nhiệt kế chỉ thị hiện số của tủ sấy**

Kiểu (*Type*): 101 - 2A

Số (*Serial N⁰*): 12223

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Specifications*)

Phạm vi làm việc: $(10 \div 300)^{\circ}\text{C}$, độ phân giải của bộ chỉ thị: 1°C

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): ĐLVN 138 : 2004

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Lò chuẩn nhiệt độ, model: Jupiter 650S**

Nhiệt kế điện trở chuẩn PRT số: 231383 (9)

- Độ không đảm bảo đo (*Uncertainty of measurement*): $U = 0,1^{\circ}\text{C}$

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cảnh


Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng*

*(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)*

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Vị trí đặt nhiệt độ (°C)	Chỉ thị của nhiệt kế (°C)	Chỉ thị của chuẩn (°C)	Số hiệu chính (°C)
50	52,0	50,1	-1,9
100	103,0	100,6	-2,4
150	154,0	150,6	-3,4

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,5^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)



Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 16.036.25

Tên phương tiện đo (*Object*): **Cân cơ 1 đĩa**

Kiểu (*Type*): **AQ311S**

Số (*Serial N⁰*): **N/A**

Nơi sản xuất (*Manufacturer*): **ADAM**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (*Technical Specifications*): **MAX = 311 g; d = 0,01 g**

Cơ sở sử dụng (*Customer*): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (*The Place*): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (*The Method used*): **QTHC 02:2018**

Chuẩn được sử dụng (*Standards used*): **Bộ quả cân chuẩn F1**

- Liên kết chuẩn (*Traceable to*): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (*Results*):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (*Recalibration recommended*): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn



Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng – Bộ Xây dựng*
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology – Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	20	20,01	-0,01	0,003
2	50	50,01	-0,01	0,003
3	100	100,02	-0,02	0,003
4	200	200,03	-0,03	0,003
5	300	300,04	-0,04	0,004

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu (Begins)	23	61
Kết thúc (Ends)	24	62

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy $P = 95,45\%$ ($k=2$) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor $k=2$; confidence level of $P = 95,45\%$)

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)

Nguyễn Đức Lương



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197
Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N⁰): 17.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Cân cơ 1 đĩa**

Kiểu (Type): TBB 2610S

Số (Serial N⁰): N/A

Nơi sản xuất (Manufacturer): ADAM

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Technical Specifications): MAX = 2610 kg; d = 0,1 g

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM

Địa điểm thực hiện (The Place): Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (The Method used): QTHC 02:2018

Chuẩn được sử dụng (Standards used): Bộ quả cân chuẩn F1

- Liên kết chuẩn (Traceable to): Viện Đo lường Việt Nam

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): 31 - 5 - 2026

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng
Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

*Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của
Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng – Bộ Xây dựng*
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of
Vietnam Institute for Building Science and Technology – Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

STT (No)	Mức cân (Load) (g)	Giá trị chỉ thị (Indication) (g)	Số hiệu chỉnh (Correction) (g)	Độ không đảm bảo đo U (Uncertainty) (g)
1	100	100,0	0,0	0,15
2	200	200,0	0,0	0,15
3	500	500,1	-0,1	0,16
4	1 000	1 000,1	-0,1	0,16
5	2 000	2 000,3	-0,3	0,18
6	2 500	2 500,5	-0,5	0,19

- Điều kiện môi trường (Environmental Conditions):

	Nhiệt độ (Temperature), °C	Độ ẩm (Humidity), %RH
Bắt đầu (Begins)	24	61
Kết thúc (Ends)	25	62

- Các giá trị độ không đảm bảo đo mở rộng U ở trên được xác định với mức tin cậy $P = 95,45\%$ ($k=2$) (Expanded measurement uncertainty U with coverage factor $k=2$; confidence level of $P = 95,45\%$)

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrator by)



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing Certificate)

SỐ (N⁰): 15.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Máy mài mòn Los Angeles**

Kiểu (Type): **N/A**

Số (Serial N⁰): **N/A**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Việt Nam**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): **Tiêu chuẩn ASTM C131, AASHTO T96**

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **Đo trực tiếp**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Thước kẹp, đồng hồ bấm giây**

Kết quả (Results):

Xem kết quả trang sau

(See the measurement results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD


Chu Công Cẩn


Hoàng Anh Giang

Trang: 1/2
(N⁰ of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng
(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ ĐO, THỬ NGHIỆM

(Measurement & Testing results)

- Tốc độ quay: 33 (vòng/phút)
- Đường kính bi: 42 (mm)
- Trọng lượng bi: 427 gam
- Đường kính trong thùng chứa mẫu: 715 mm
- Chiều dài trong thùng chứa mẫu: 510 mm

Kết luận: Các thông số kỹ thuật của máy đạt các chỉ tiêu theo tiêu chuẩn ASTM C131, AASHTO T96

*Nhiệt độ (*Temperature*): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người thực hiện



Lê Nam Thắng



BỘ XÂY DỰNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Vietnam Institute for Building Science and Technology

Add: 81 Trần Cung - Nghĩa Tân - Cầu Giấy - Hà Nội - Tel: 84.4.37544196 - Fax: 84.4.38361197

Website: www.ibst.vn - Email: vienkhcnxd@ibst.vn



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN

(Calibration Certificate)

SỐ (N^o): 07.036.25

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): **Kích tay**

Số kích (Serial N^o): **0610**

Nơi sản xuất (Manufacturer): **Trung Quốc**

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specifications): **Phạm vi đo: (0 ÷ 200) kN**

Đồng hồ đo áp suất: (0 ÷ 60) MPa, độ chia: 2 MPa / vạch

Cơ sở sử dụng (Customer): **Công ty TNHH MTV Thí nghiệm và Kiểm định KTM**

Địa điểm thực hiện (The Place): **Ô 3 lô B13, Khu đô thị Cao Xanh - Hà Khánh A, phường Cao Xanh, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (Method of calibration): **QTHC 01 : 2016**

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **Đầu đo lực nén LRCN 730, phạm vi đo (0÷222) kN**

Bộ hiển thị COOPER Model DFI 4215

- Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): **U = 0,24 %**

- Liên kết chuẩn (Traceable to): **Viện Đo lường Việt Nam**

Kết quả (Results):

Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the calibration results on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị (Recalibration recommended): **31 - 5 - 2026**

Ngày 06 tháng 5 năm 2025

TUQ. Viện trưởng Viện KHCN Xây dựng

TP. Phòng Thí nghiệm và Kiểm định

Phó Giám đốc Viện chuyên ngành Kết cấu CTXD

Chu Công Cẩn

Hoàng Anh Giang



Trang: 1/2

(N^o of pages)

Không được sao chép rời các trang của giấy chứng nhận nếu không được sự đồng ý của

Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - Bộ Xây dựng

(The pages of this certificate shall not be reproduced, except in full, without the written approval of

Vietnam Institute for Building Science and Technology - Ministry of Construction)

BM-19.03

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

TT	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa)	Lực đo được (kN)
1	0	0
2	10	28,8
3	16	48,9
4	22	70,0
5	28	90,9
6	34	111,4
7	40	132,6
8	46	154,4
9	52	176,5
10	58	196,5

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$

Độ không đảm bảo đo (Uncertainty of measurement): $U = 1,52 \%$, $k = 2$, mức tin cậy $P \approx 95\%$

Phương trình hiệu chuẩn (Calibration equation):

- Khoảng sử dụng từ: $(0 \div 10)$ vạch: $F = 2,88 \times P$

- Khoảng sử dụng từ: $(>10 \div 60)$ vạch: $F = 3,511 \times P - 7,16$

trong đó: F là lực (kN); P là giá trị chỉ thị trên đồng hồ (MPa).

Hà Nội, Ngày 06 tháng 5 năm 2025

Người hiệu chuẩn

(Calibrated by)



Lê Nam Thắng